

Giải pháp nâng cao năng lực số cho sinh viên theo định hướng ứng dụng tại Học viện Chính sách và phát triển

Đỗ Thị Thanh Hà*

*Giảng viên, Bộ môn Ngoại ngữ - Khoa Cơ Bản, Học viện Chính sách và Phát triển

Received: 08/03/2024; Accepted: 19/03/2024; Published: 26/3/2024

Abstract: In the modern world, digital literacy is one of the important core competencies for lifelong learning and research. Learners in general, and university students in particular, in the context of educational digital transformation, must own digital literacy to be able to study and work in open and global educational environment. The Academy of Policy and Development has paid great attention to developing digital competencies for students to improve the effectiveness of application-oriented training. Using theoretical research methods, the article reviews research on digital literacy in the space of higher education. At the same time, it also frankly acknowledges the challenges encountered in the process of developing NLS, the article has proposed solutions to develop NLS for the University's students, this is also a source of reference materials for educational institutions.

Keywords: Digital literacy, digital conversion, development

1. Đặt vấn đề

Trong thời đại công nghiệp 4.0, năng lực số đã trở thành yếu tố quyết định quan trọng đối với sự thành công của cá nhân và tổ chức. Trong ngữ cảnh này, việc phát triển năng lực số (NLS) cho sinh viên (SV) không chỉ là một ưu tiên mà còn là một yêu cầu cấp bách để nâng cao hiệu quả đào tạo. Sở hữu NLS tốt giúp SV có khả năng diễn giải và hiểu biết về học tập trực tuyến cao hơn, giúp họ tiến bộ trong học tập, trong cuộc sống cá nhân và nghề nghiệp, xử lý tốt các tình huống phối hợp làm việc trong môi trường ảo và thực hành tốt hơn trong giáo dục trực tuyến. Không chỉ vậy, NLS được xem là điều kiện tiên quyết để có thể học tập và làm việc trong môi trường giáo dục mở và toàn cầu hiện nay. NLS cũng được thừa nhận là một trong các năng lực cốt lõi quan trọng để học tập suốt đời và chuẩn bị cho họ trở thành người lao động có thể cạnh tranh được trong thị trường lao động ngày nay.

Học viện Chính sách và Phát triển với sứ mệnh “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm trong môi trường quốc tế đáp ứng nhu cầu của ngành kế hoạch và đầu tư và của đất nước” đã và đang áp dụng nhiều phương pháp cải tiến giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của GV và SV trong nhà trường. Từ bối cảnh trên, trong công tác nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện, việc nghiên cứu phát triển năng lực số cho SV là cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm Năng lực số trong đào tạo SV đại học

Trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0, năng

lực số (NLS) đóng vai trò cực kỳ quan trọng đối với người học và các cá nhân khác. Đây không chỉ là khả năng sử dụng công nghệ số, mà còn bao gồm các kỹ năng và phẩm chất cần thiết để tận dụng những cơ hội và đối mặt với những thách thức của thế giới số hóa. Người học cần có khả năng sử dụng các công nghệ mới nhất như trí tuệ nhân tạo (AI), big data, Internet of Things (IoT), blockchain và máy học. Họ cần hiểu cách sử dụng các ứng dụng và công cụ kỹ thuật số để làm việc, học tập và giao tiếp hiệu quả. Ngoài ra, NLS cũng đòi hỏi khả năng tư duy linh hoạt và sáng tạo để tận dụng những công nghệ mới và thích ứng với môi trường số hóa đang thay đổi nhanh chóng. Trong khi công nghệ số mang lại nhiều lợi ích, nhưng cũng có những rủi ro và thách thức. Người học cần có khả năng phê phán và đánh giá thông tin một cách đúng đắn, cũng như biết cách phòng tránh các nguy cơ an ninh mạng và bảo mật thông tin. Hơn hết, NLS còn bao gồm khả năng hợp tác và giao tiếp hiệu quả trong môi trường trực tuyến, bao gồm làm việc nhóm từ xa, tham gia vào các cộng đồng trực tuyến và xây dựng mối quan hệ kinh doanh và xã hội qua mạng.

2.2. Tổng quan các nghiên cứu có liên quan

Ngày nay, công nghệ số thay đổi liên tục và gia tăng theo cấp số nhân, đang ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt của đời sống và đã trở thành một phần thiết yếu của môi trường học tập. Trong quá trình chuyển đổi số giáo dục, hàng loạt các nghiên cứu đã được thực hiện nhằm khám phá các yếu tố cần thiết liên quan đến con người và bối cảnh để chuẩn bị sẵn sàng cho việc học tập thành công trong môi trường giáo dục ngày

càng được số hóa. Thuật ngữ “năng lực số” lần đầu tiên được đề cập bởi Gilster (1997), theo đó, được hiểu là khả năng khai thác, sử dụng thông tin ở nhiều định dạng khác nhau, từ các nguồn khác nhau, hiển thị qua máy tính. Sau đó, rất nhiều tác giả đã nghiên cứu và đưa ra quan điểm từ nhiều góc độ nhìn nhận.

Mosa et al., (2016) đã khẳng định việc tham gia vào các khóa học năng lực số đã có ảnh hưởng tích cực đến khả năng sử dụng công nghệ thông tin và trí tuệ số của SV đại học. Điều này không chỉ giúp cải thiện hiệu quả học tập mà còn chuẩn bị cho SV một cách tốt nhất cho thị trường lao động. Nghiên cứu của Brown (2019) đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách mà việc sử dụng công nghệ thông tin có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển năng lực số và cải thiện hiệu quả đào tạo. Sự tích hợp của công nghệ thông tin vào giáo dục đại học đã giúp tạo ra một môi trường học tập hiện đại và kích thích hơn.

Bên cạnh các nghiên cứu trên thế giới, tại Việt Nam cũng có 2 nghiên cứu lớn liên quan tới NLS. Nguyễn Tân Đại (2019) đã nghiên cứu ra mô hình NLS với 3 nhân tố gồm (1) Định vị thông tin, (2). Thu thập thông tin, (3) Hiệu dụng thông tin. Trong đó có 8 thành tố chính, bao gồm: (1) Xác định nhu cầu thông tin khi gặp vấn đề cần giải quyết; (2) Xác định phạm vi và tính phù hợp của nguồn thông tin; (3) Chọn phương pháp và công cụ tìm kiếm thông tin thích hợp; (4) Đánh giá, chọn lọc các thông tin tìm kiếm được; (5) Tổ chức, quản lý các thông tin thu thập được một cách khoa học; (6) Sử dụng hiệu quả các thông tin đã tìm thấy, sắp xếp và lưu trữ; (7) Sử dụng các công cụ trên máy tính để làm việc nhóm; (8) Soạn thảo tài liệu, trình bày ý tưởng dạy nói hay viết. Nghiên cứu thứ 2 của Trần Đức Hoà & Đỗ Văn Hùng (2021) đã đề xuất khung NLS với 7 thành tố: (1) Vận hành thiết bị và phần mềm; (2) Năng lực thông tin và dữ liệu; (3) Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; (4) Sáng tạo nội dung số; (5) An ninh và an toàn trên không gian mạng; (6) Học tập và phát triển kỹ năng số; (7) năng lực số liên quan đến nghề nghiệp.

2.3. Những thách thức trong việc nâng cao năng lực số cho SV tại Học viện Chính sách và Phát triển

Hạ tầng kỹ thuật: Học viện Chính sách và Phát triển được xây dựng mới trên diện tích 5ha và đi vào sử dụng vận hành từ năm 2021. Đây là một trong số những trường đại học được đầu tư trang thiết bị hiện đại bậc nhất miền Bắc. Tuy nhiên, hầu hết các thiết bị để hỗ trợ phát triển NLS vẫn chưa hoạt động được hết công suất do việc thiếu phần mềm hoặc chưa đồng bộ trang thiết bị hiện có với yêu cầu của việc hỗ trợ việc học tập và nâng cao NLS.

Thiếu đào tạo phù hợp: Nhiều GV và cán bộ tại Học viện vẫn chưa được đào tạo đầy đủ về cách sử dụng công nghệ và phương pháp dạy học số hiệu quả. Điều này có thể làm giảm hiệu suất của việc tích hợp công nghệ vào quá trình giảng dạy và học tập.

An ninh thông tin: Đây là một trong những thách thức lớn vì việc bảo vệ thông tin cá nhân của SV và dữ liệu giáo dục là một vấn đề rất quan trọng. Hiện tại Học viện vẫn đang trong quá trình xây dựng các biện pháp bảo mật phù hợp để đảm bảo an toàn cho dữ liệu này.

Phân biệt địa lý và kinh tế: SV ở các khu vực nghèo hơn hoặc từ các gia đình có thu nhập thấp gặp khó khăn trong việc truy cập công nghệ và tài nguyên số do chưa được trang bị đầy đủ thiết bị cá nhân như máy tính, tai nghe, vv.... Điều này tạo ra một khoảng cách số về khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ giữa các SV.

Nâng cao ý thức: Trong tiến trình phát triển NLS, bên cạnh việc phát triển cơ sở hạ tầng, nguồn tài liệu trực tuyến, Học viện cũng đã chú trọng đến việc giáo dục cho SV về việc sử dụng công nghệ một cách an toàn, đạo đức và hiệu quả. Dù vậy vẫn có những cá thể chưa thích ứng được với quá trình này nên vẫn cần tăng cường việc nâng cao ý thức về vấn đề này.

Tích hợp vào chương trình giảng dạy: Đôi khi việc tích hợp công nghệ vào chương trình giảng dạy có gây ra sự mất cân đối giữa việc sử dụng công nghệ và việc giảng dạy truyền thống. Học viện đã và đang có sự cân nhắc kỹ lưỡng để tích hợp công nghệ một cách hợp lý và hiệu quả.

2.4. Giải pháp nâng cao năng lực số cho SV tại Học viện Chính sách và Phát triển

2.4.1. Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy và học tại Học viện

Công nghệ thông tin (CNTT) tạo điều kiện để đa dạng hóa hình thức dạy học, giáo dục, đáp ứng mục tiêu học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Cụ thể có nhiều hình thức học tập khác nhau như: dạy học trực tiếp hoàn toàn, dạy học trực tiếp có ứng dụng CNTT, dạy học trực tuyến hỗ trợ trực tiếp, dạy học trực tuyến hoàn toàn. CNTT còn hỗ trợ GV chuẩn bị việc dạy học, giáo dục, xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục thông qua sử dụng các phần mềm, học liệu số tạo ra các bài giảng đa phương tiện kích thích hứng thú và hiệu quả học tập của SV.

CNTT tạo điều kiện học tập đa dạng cho SV, tạo điều kiện để SV khám phá tích cực và chủ động nguồn tri thức, kích thích hứng thú học tập của SV, khuyến khích SV tư duy dựa trên nền tảng khám phá, thử nghiệm, có cơ hội phát triển năng lực thực tiễn, các kĩ

năng phức tạp, năng lực tổng hợp thông qua các hình thức học tập khác nhau.

2.4.2. Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng cho SV Nhà trường

Nhà trường cũng có thể cân nhắc xây dựng riêng một bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội dành cho SV tại Học viện, để tuyên truyền, khuyến khích SV có hành vi, ứng xử văn minh trên môi trường số. Đây có thể vừa là công cụ giáo dục định hướng, vừa là sản phẩm để truyền thông hình ảnh đẹp của nhà trường. Bên cạnh đó, việc tổ chức những khóa học, lớp tập huấn có chất lượng nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng khai thác, chia sẻ thông tin trên internet hay tổ chức các cuộc thi kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin chắc chắn sẽ giúp việc học tập và hành trang lập nghiệp của mỗi SV thêm hoàn thiện.

Hầu hết các trường đã có kênh thông tin trên môi trường số và đa phần nó hữu ích với SV khi họ thường xuyên được cập nhật những vấn đề mà họ quan tâm như học tập, giải trí, khởi nghiệp. Nhưng chưa đủ, đó đó các kênh này cần phát huy mạnh mẽ hơn vai trò định hướng trào lưu, xu hướng của SV, thay vì chỉ thuần túy cung cấp thông tin. Và hầu hết mọi người đều hiểu rằng, muốn làm như vậy ngoài nội dung thì kênh thông tin cần phải có hình thức hấp dẫn với giới trẻ. Việc có một đội ngũ làm nội dung, thiết kế đồ họa tốt sẽ giúp những thông tin được lan tỏa rộng rãi hơn.

2.4.3. Ứng dụng công nghệ thông tin phải thực chất và hiệu quả

Việc ứng dụng CNTT trong quản trị đại học là xu thế tất yếu của đào tạo đại học ở Việt Nam hiện nay, tuy nhiên cần đi sâu vào thực chất và hiệu quả. Với Học viện, đã bước đầu đạt được những kết quả nhất định, và cần tiếp tục phát huy hơn nữa. Cụ thể: Ứng dụng CNTT trong quản trị công tác tuyển sinh đại học, quản trị hồ sơ cán bộ, GV, học viên, SV; quản trị chương trình đào tạo; học liệu; điểm học tập, rèn luyện của học viên, SV. Ứng dụng CNTT trong quản trị, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong nhà trường bao gồm: Nguồn lực cơ sở vật chất, nguồn lực con người (cán bộ, GV, học viên, SV) và các nguồn lực khác. Ứng dụng CNTT trong quản trị, đánh giá chất lượng công việc của cán bộ, GV, người lao động trong nhà trường. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị hoạt động giảng dạy. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị hoạt động học tập của học viên, SV: Trên cơ sở các thiết bị công nghệ hiện có của học viên, SV như: máy tính, ipad, notebook, smartphone. SV sử dụng các phần mềm hỗ trợ hoạt động tự học, học trực tuyến trên các nền tảng trình duyệt, hoặc khai thác sử

dụng các thông tin trên internet, các trang mạng xã hội như facebook, zalo. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ: Ứng dụng CNTT trong quản trị việc đăng ký và cấp mã số các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ. Ứng dụng CNTT trong quản trị hoạt động nghiên cứu khoa học của chủ thể nghiên cứu khoa học.

3. Kết luận

Việc nâng cao năng lực số cho SV là vấn đề quan trọng đặt ra cho các trường đại học nói chung và Học viện nói riêng. Trong thời gian tới, để phát huy tốt hơn và phát triển NLS của SV, Học viện cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp liên quan đến cả người dạy và người học để đạt kết quả khả quan trong quá trình toàn cầu hóa, nhằm khẳng định vị thế của trường trong bản đồ các trường Đại học tại Việt Nam và trong khu vực.

Tài liệu tham khảo

1. Blayone, T. J. B. (2018). *Reexamining digital-learning readiness in higher education: Positioning digital competencies as key factors and a profile application as a readiness tool*. International Journal on E-Learning: Corporate, Government, Healthcare, and Higher Education, 17(4), 425–451.
2. Ferrari, Anuska. (2013). *Digital Competence in Practice: An Analysis of Frameworks*. Joint Research Centre of the European Commission., 91. Trích xuất tại nguồn <https://doi.org/10.2791/82116>
3. Gilster, P. (1997). *Digital literacy*. John Wiley.
- Hiltz, S. R., & Turoff, M. (2005). *The Evolution of Online Learning and the Revolution in Higher Education*. In October (Vol. 48, Issue 10, pp. 59–64).
4. Mosa, A. A., Naz'ri bin Mahrin, M., & Ibrahim, R. (2016). *Technological Aspects of E-Learning Readiness in Higher Education: A Review of the Literature*. In *Computer and Information Science* (Vol. 9, Issue 1, p. 113). <https://doi.org/10.5539/cis.v9n1p113>
5. Nguyễn Tấn Đại, & Marquet Pascal. (2018). *Năng lực công nghệ số đáp ứng nhu cầu xã hội: các mô hình quốc tế và hướng tiếp cận ở Việt Nam*. Tạp Chí Khoa Học Xã Hội Thành Phố Hồ Chí Minh, 12(244), 23–39.
6. Rawda Ahmed Omer, S. G. A. (2016). *E-Learning Competencies Practice Level among Faculty Members at Najran University*. In *SJETR Journal*.: Vol. Vol. 2, No (Issue 1).
7. Trần Đức Hòa, & Đỗ Văn Hùng. (2021). *Khung năng lực số cho SV Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số*. Thông Tin và Tư Liệu, 1, 12–21